

THÔNG BÁO
Về việc nộp Đề cương Ôn tập
và Dạng thức đề thi tuyển sinh sau đại học năm 2022

Căn cứ Kế hoạch tuyển sinh sau đại học năm 2022 số 514A/ĐHYD-ĐT, ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông báo Tuyển sinh sau đại học năm 2022 số 519/ĐHYD-ĐT, ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2022, ngày 20 tháng 5 năm 2022;

Đề nghị các Khoa/Bộ môn xây dựng Đề cương Ôn tập và Dạng thức đề thi tuyển sinh cho các đối tượng Bác sĩ nội trú, Chuyên khoa I, Chuyên khoa II năm 2022 (có mẫu đính kèm công văn).

Thời gian nộp Đề cương Ôn tập và Dạng thức đề thi tuyển sinh: 14h00, ngày 24/6/2022.

Hình thức nộp: 01 bản cứng có chữ ký của Bộ môn về Phòng Đào tạo (Bộ phận sau đại học), 01 file mềm gửi về email theo địa chỉ: saudaihocytn@gmail.com.

Nơi nhận:

- Các Khoa/Bộ môn thuộc trường;
- Phòng CNTT và TV;
- Lưu VT; Đào tạo.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TUYỂN SINH: MÔN CHUYÊN NGÀNH
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA II**

Chuyên ngành đào tạo:**Môn thi:**

1. Mục đích

Giới hạn, hệ thống lại những kiến thức cơ bản thuộc chuyên ngành, áp dụng cho tất cả thí sinh dự thi tuyển đào tạo trình độ chuyên khoa II, chuyên ngành.....

2. Yêu cầu

Chương trình ôn tập có kiến thức thuộc phạm vi, tương đương trình độ chuyên khoa I, nhằm tuyển chọn những học viên có khả năng tiếp thu tốt ở trình độ đào tạo chuyên khoa II, đồng thời có thể vận dụng kiến thức trong khám chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.

3. Nội dung ôn tập

Yêu cầu: Thiết kế nội dung ôn tập thành bốn phần.

3.1. Phần 1: Ghi tên chủ đề của phần này.

Yêu cầu: Ghi tên bài và các nội dung thuộc phạm vi của đề thi.

Bài 1: Ghi tên bài

- Liệt kê các nội dung chính của bài thuộc phạm vi của đề thi.

Ví dụ: Chẩn đoán, điều trị biến chứng của sỏi niệu quản.

Bài 2:.....

-

Bài

-

3.2. Phần 2: Ghi tương tự như phần 1

3.3. Phần 3: Ghi tương tự như phần 1

3.4. Phần 4: Ghi tương tự như phần 1

4. Tài liệu ôn tập

Ghi các tài liệu thí sinh có thể tham khảo để ôn tập. Nội dung thi có trong các tài liệu này.

Ví dụ:

[1]. Bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội (2006), Bài giảng Bệnh học Ngoại tiêu hoá, NXB Y học, Hà Nội.

[2]. Trịnh Văn Minh (2007), *Giải phẫu người*, tập 2 (Giải phẫu ngực-bụng), NXB Hà Nội.

[3].....

**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TUYỂN SINH: MÔN CHUYÊN NGÀNH
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA I**

Chuyên ngành đào tạo: **Môn thi:**

1. Mục đích

Giới hạn, hệ thống lại những kiến thức cơ bản thuộc chuyên ngành, áp dụng cho tất cả thí sinh dự thi tuyển đào tạo trình độ chuyên khoa I, chuyên ngành.....

2. Yêu cầu

Chương trình ôn tập có kiến thức thuộc phạm vi, tương đương trình độ đại học, nhằm tuyển chọn những học viên có khả năng tiếp thu tốt chương trình đào tạo trình độ chuyên khoa I.

3. Nội dung ôn tập

Yêu cầu: Thiết kế nội dung ôn tập thành bốn phần.

3.1. Phần 1: Ghi tên chủ đề của phần này.

Yêu cầu: Ghi tên bài và các nội dung thuộc phạm vi của đề thi.

Bài 1: Ghi tên bài

- Liệt kê các nội dung chính của bài thuộc phạm vi của đề thi.

Ví dụ: Chẩn đoán, điều trị biến chứng của sỏi niệu quản.

Bài 2:.....

-

Bài

-

3.2. Phần 2: Ghi tương tự như phần 1

3.3. Phần 3: Ghi tương tự như phần 1

3.4. Phần 4: Ghi tương tự như phần 1

4. Tài liệu ôn tập: Ghi các tài liệu thí sinh có thể tham khảo để học ôn. Nội dung thi có trong các tài liệu này.

Ví dụ:

[1]. Bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội (2006), Bài giảng Bệnh học Ngoại tiêu hoá, NXB Y học, Hà Nội.

[2]. Trịnh Văn Minh (2007), *Giải phẫu người*, tập 2 (Giải phẫu ngực-bụng), NXB Hà Nội.

[3].....

**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TUYỂN SINH: MÔN CƠ SỞ
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA I**

Chuyên ngành đào tạo:**Môn thi:**

1. Mục đích

Giới hạn, hệ thống lại những kiến thức cơ bản về, áp dụng cho tất cả thí sinh dự thi tuyển đào tạo trình độ chuyên khoa I, chuyên ngành

2. Yêu cầu

Chương trình ôn tập có kiến thức vềở trình độ đại học, nhằm tuyển chọn những học viên có kiến thức tốt vềđể tiếp thu tốt chương trình đào tạo trình độ chuyên khoa I.

3. Nội dung kiến thức ôn tập

Yêu cầu: Thiết kế nội dung ôn tập thành bốn phần.

3.1. Phần 1: Ghi tên chủ đề của phần này.

Yêu cầu: Ghi tên bài và các nội dung thuộc phạm vi của đề thi.

Bài 1: Ghi tên bài

- Liệt kê các nội dung chính của bài thuộc phạm vi của đề thi.

Ví dụ: Chẩn đoán, điều trị biến chứng của sỏi niệu quản.

Bài 2:.....

-

Bài

-

3.2. Phần 2: Ghi tương tự như phần 1

3.3. Phần 3: Ghi tương tự như phần 1

3.4. Phần 4: Ghi tương tự như phần 1

4. Tài liệu ôn tập: Ghi các tài liệu thí sinh có thể tham khảo để ôn tập. Nội dung thi có trong các tài liệu này.

Ví dụ:

[1]. Bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội (2006), Bài giảng Bệnh học Ngoại tiêu hoá, NXB Y học, Hà Nội.

[2]. Trịnh Văn Minh (2007), *Giải phẫu người*, tập 2 (Giải phẫu ngực-bụng), NXB Hà Nội.

[3].

**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TUYỂN SINH: MÔN TOÁN THỐNG KÊ
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: BÁC SĨ NỘI TRÚ**

1. Mục đích

Giới hạn, hệ thống lại những kiến thức cơ bản về Toán thống kê, áp dụng cho tất cả thí sinh dự thi tuyển đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú.

2. Yêu cầu

Chương trình ôn tập có kiến thức cơ bản về Toán thống kê ở trình độ đại học, nhằm tuyển chọn được những học viên có kiến thức tốt về Toán thống kê để tiếp thu tốt chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú.

3. Nội dung kiến thức ôn tập:

Yêu cầu: Thiết kế nội dung ôn tập thành 05 phần.

3.1. Phần 1: Ghi tên chủ đề của phần này.

Yêu cầu: Ghi tên bài và các nội dung thuộc phạm vi của đề thi.

Bài 1: Ghi tên bài

- Liệt kê các nội dung chính của bài thuộc phạm vi của đề thi.

Bài 2:.....

-

Bài

-

3.2. Phần 2: Ghi tương tự như phần 1

3.3. Phần 3: Ghi tương tự như phần 1

3.4. Phần 4: Ghi tương tự như phần 1

3.4. Phần 5: Ghi tương tự như phần 1

4. Tài liệu ôn tập: Ghi các tài liệu thí sinh có thể tham khảo để ôn tập. Nội dung thi có trong các tài liệu này.

Ví dụ:

[1]. Bộ môn Toán, Đại học Y Hà Nội (2006), Xác suất thống kê, NXB Y học, Hà Nội.

[2]. Trịnh Văn M (2007), Ước lượng tỉ lệ, tập 2 (Toán thống kê), NXB Hà Nội.

[3].

**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TUYỂN SINH: MÔN CƠ BẢN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ**

Chuyên ngành đào tạo: **Môn thi:**

1. Mục đích

Giới hạn, hệ thống lại những kiến thức cơ bản về, áp dụng cho tất cả thí sinh dự thi tuyển đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú.

2. Yêu cầu

Chương trình ôn tập có kiến thức về ở trình độ đại học, nhằm tuyển chọn những học viên có kiến thức tốt về để tiếp thu tốt chương trình đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú.

3. Nội dung kiến thức ôn tập

Yêu cầu: Thiết kế nội dung ôn tập thành bốn phần.

3.1. Phần 1: Ghi tên chủ đề của phần này.

Yêu cầu: Ghi tên bài và các nội dung thuộc phạm vi của đề thi.

Bài 1: Ghi tên bài

- Liệt kê các nội dung chính của bài thuộc phạm vi của đề thi.

Bài 2:.....

-

Bài

-

3.2. Phần 2: Ghi tương tự như phần 1

3.3. Phần 3: Ghi tương tự như phần 1

3.4. Phần 4: Ghi tương tự như phần 1

4. Tài liệu ôn tập: Ghi các tài liệu thí sinh có thể tham khảo để ôn tập. Nội dung thi có trong các tài liệu này.

Ví dụ:

[1]. Bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội (2006), Bài giảng Bệnh học Ngoại tiêu hoá, NXB Y học, Hà Nội.

[2]. Trịnh Văn Minh (2007), *Giải phẫu người*, tập 2 (Giải phẫu ngực-bụng), NXB Hà Nội.

[3].

**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TUYỂN SINH: MÔN CHUYÊN NGÀNH
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ**

Chuyên ngành đào tạo: **Môn thi:**

1. Mục đích

Giới hạn, hệ thống lại những kiến thức cơ bản thuộc chuyên ngành, áp dụng cho tất cả thí sinh dự thi tuyển đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú chuyên ngành.....

2. Yêu cầu

Chương trình ôn tập có kiến thức thuộc phạm vi ở trình độ đại học, nhằm tuyển chọn những học viên có khả năng tiếp thu tốt chương trình đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú chuyên ngành.....

3. Nội dung ôn tập

Yêu cầu: Thiết kế nội dung ôn tập thành bốn phần.

3.1. Phần 1: Ghi tên chủ đề của phần này.

Yêu cầu: Ghi tên bài và các nội dung thuộc phạm vi của đề thi.

Bài 1: Ghi tên bài

- Liệt kê các nội dung chính của bài thuộc phạm vi của đề thi.

Ví dụ: Chẩn đoán, điều trị biến chứng của sỏi niệu quản.

Bài 2:.....

-

Bài

-

3.2. Phần 2: Ghi tương tự như phần 1

3.3. Phần 3: Ghi tương tự như phần 1

3.4. Phần 4: Ghi tương tự như phần 1

4. Tài liệu ôn tập: Ghi các tài liệu thí sinh có thể tham khảo để ôn tập. Nội dung thi có trong các tài liệu này.

Ví dụ:

[1]. Bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội (2006), Bài giảng Bệnh học Ngoại tiêu hoá, NXB Y học, Hà Nội.

[2]. Trịnh Văn Minh (2007), *Giải phẫu người*, tập 2 (Giải phẫu ngực-bụng), NXB Hà Nội.

[3].....

**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TUYỂN SINH: MÔN CHUYÊN NGÀNH GÀN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ**

Chuyên ngành đào tạo:

1. Mục đích

Giới hạn, hệ thống lại những kiến thức cơ bản thuộc chuyên ngành, áp dụng cho tất cả thí sinh dự thi tuyển đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú chuyên ngành.....

2. Yêu cầu

Chương trình ôn tập có kiến thức thuộc phạm vi ở trình độ đại học, nhằm tuyển chọn những học viên có khả năng tiếp thu tốt chương trình đào tạo trình độ Bác sĩ Nội trú chuyên ngành.....

3. Nội dung ôn tập

Yêu cầu: Thiết kế nội dung ôn tập thành bốn phần.

3.1. Phần 1: Ghi tên chủ đề của phần này.

Yêu cầu: Ghi tên bài và các nội dung thuộc phạm vi của đề thi.

Bài 1: Ghi tên bài

- Liệt kê các nội dung chính của bài thuộc phạm vi của đề thi.

Ví dụ: Chẩn đoán, điều trị biến chứng của sỏi niệu quản.

Bài 2:.....

-

Bài

-

3.2. Phần 2: Ghi tương tự như phần 1

3.3. Phần 3: Ghi tương tự như phần 1

3.4. Phần 4: Ghi tương tự như phần 1

4. Tài liệu ôn tập: Ghi các tài liệu thí sinh có thể tham khảo để ôn tập. Nội dung thi có trong các tài liệu này.

Ví dụ:

[1]. Bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội (2006), Bài giảng Bệnh học Ngoại tiêu hoá, NXB Y học, Hà Nội.

[2]. Trịnh Văn Minh (2007), *Giải phẫu người*, tập 2 (Giải phẫu ngực-bụng), NXB Hà Nội.

[3].....

**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TUYỂN SINH TIẾNG ANH
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**

1. Mục đích

Giới hạn, hệ thống lại những kiến thức cơ bản thuộc chuyên ngành, áp dụng cho tất cả thí sinh dự thi tuyển đào tạo trình độ chuyên ngành.....

2. Yêu cầu

Chương trình ôn tập có kiến thức thuộc phạm vi ở trình độ, nhằm tuyển chọn những học viên có khả năng tiếp thu tốt chương trình đào tạo trình độ chuyên ngành.....

3. Nội dung ôn tập

Yêu cầu: Thiết kế nội dung ôn tập thành bốn phần.

3.1. Phần 1: Ghi tên chủ đề của phần này.

Yêu cầu: Ghi các nội dung thuộc phạm vi của đề thi.

Nội dung 1:

- Liệt kê các nội dung chính thuộc phạm vi của đề thi.

Nội dung 2:

- Liệt kê các nội dung chính thuộc phạm vi của đề thi.

Nội dung ...:

- Liệt kê các nội dung chính thuộc phạm vi của đề thi.

3.2. Phần 2: Ghi tương tự như phần 1

3.3. Phần 3: Ghi tương tự như phần 1

3.4. Phần 4: Ghi tương tự như phần 1

4. Tài liệu ôn tập: Ghi các tài liệu thí sinh có thể tham khảo để ôn tập. Nội dung thi có trong các tài liệu này.

Ví dụ: Ghi tương tự theo mẫu sau

[1]. Bộ môn Ngoại, Đại học Y Hà Nội (2006), Bài giảng Bệnh học Ngoại tiêu hoá, NXB Y học, Hà Nội.

[2]. Trịnh Văn Minh (2007), *Giải phẫu người*, tập 2 (Giải phẫu ngực-bụng), NXB Hà Nội.

[3].....

DẠNG THỨC ĐỀ THI TUYỂN SINH BÁC SĨ NỘI TRÚ

1. Những vấn đề chung

1.1. Nội dung đề thi

- Mỗi Đề thi gồm 4 câu.

- Đề thi môn Toán gồm 5 câu. Đề thi Tiếng Anh có cấu trúc riêng.

- Mỗi câu hỏi được biên soạn chỉ từ một (01) nội dung kiến thức của một phần trong bốn (04) phần kiến thức của nội dung ôn tập, theo dạng thức đề thi của môn thi (bảng dưới).

- Các câu hỏi yêu cầu về khối lượng kiến thức, thời gian làm bài tương ứng với điểm số là 2,5 điểm/câu. Đề thi kèm theo thang điểm, đáp án và phiếu chấm.

1.2. Thứ tự câu: Như quy định của dạng thức đề thi.

1.3. Hình thức thi: Tự luận, thí sinh không được sử dụng tài liệu.

1.4. Thời gian làm bài: 120 phút. Thang điểm 10; Điểm ý lẻ của câu không lớn hơn 0,25 điểm.

2. Dạng thức đề thi và các module kiến thức

2.1. Dạng thức đề thi môn(chuyên ngành đào tạo.....) và các module kiến thức

Số lượng nội dung của mỗi module do Bộ môn quyết định

Câu của đề (Module của đề)	Phạm vi và các nội dung kiến thức của câu hỏi	Điểm	Module kiến thức
Câu 1 Module 1	Nội dung 1:.....	0,25	1
	Nội dung 2:	0,25	
	Nội dung ...:	0,25	
Câu 2 Module 2	Nội dung 1:.....	0,25	2
	Nội dung 2:	0,25	
	Nội dung.....:	0,25	
	Nội dung:.....	0,25	
Câu 3 Module 3	Nội dung 1:.....	0,25	3
	Nội dung 2:	0,25	
	Nội dung 3.:	0,25	
	Nội dung ...:.....	0,25	
Câu 4 Module 4	Nội dung 1:	0,25	4
	Nội dung 2:....	0,25	
	Nội dung 3.:.....	0,25	
	Nội dung ..:	0,25	

- 2.2. *Dạng thức đề thi môn chuyên ngành (BSNT Ngoại) và các module kiến thức*
- 2.3. *Dạng thức đề thi môn chuyên ngành gần (BSNT Ngoại) và các module kiến thức*
- 2.4. *Dạng thức đề thi môn chuyên ngành (BSNT Sản) và các module kiến thức*
- 2.5. *Dạng thức đề thi môn chuyên ngành gần (BSNT Sản) và các module kiến thức*
- 2.6. *Dạng thức đề thi môn chuyên ngành (BSNT Nhi) và các module kiến thức*
- 2.7. *Dạng thức đề thi môn chuyên ngành gần (BSNT Nhi) và các module kiến thức*
- 2.8. *Dạng thức đề thi môn chuyên ngành (BSNT Nội) và các module kiến thức*
- 2.9. *Dạng thức đề thi môn chuyên ngành gần (BSNT Nội) và các module kiến thức*
- 2.10. *Dạng thức đề thi môn chuyên ngành (BSNT Ung thư) và các module kiến thức*
- 2.11. *Dạng thức đề thi môn chuyên ngành gần (BSNT Ung thư) và các module kiến thức*
- 2.12. *Dạng thức đề thi môn chuyên ngành (BSNT CDHA) và các module kiến thức*
- 2.13. *Dạng thức đề thi môn chuyên ngành gần (BSNT CDHA) và các module kiến thức*
- 2.14. *Dạng thức đề thi môn toán và các module kiến thức*
- 2.15. *Dạng thức đề thi môn tiếng Anh và các module kiến thức*

DẠNG THỨC ĐỀ THI TUYỂN SINH CHUYÊN KHOA I

Chuyên ngành đào tạo:

1. Những vấn đề chung

1.1. Nội dung đề thi

- Mỗi Đề thi gồm 4 câu.
- Mỗi câu hỏi được biên soạn chỉ từ một (01) nội dung kiến thức của một phần trong bốn (04) phần kiến thức của nội dung ôn tập, theo dạng thức đề thi của môn thi (bảng dưới).
- Các câu hỏi yêu cầu về khối lượng kiến thức, thời lượng làm bài tương ứng với điểm số là 2,5 điểm/câu.
- Đề thi kèm theo thang điểm, đáp án và phiếu chấm.

1.2. Thứ tự câu: Như quy định của dạng thức đề thi.

1.3. Hình thức thi: Tự luận, thí sinh không được sử dụng tài liệu.

1.4. Thời gian làm bài: 120 phút. Thang điểm 10; Điểm ý lẽ của câu không lớn hơn 0,25 điểm.

2. Dạng thức đề thi và các module kiến thức

2.1. Dạng thức đề thi môn và các module kiến thức

Số lượng nội dung của mỗi module do Bộ môn quyết định

Câu của đề (Module của đề)	Phạm vi và các nội dung kiến thức của câu hỏi	Điểm	Module kiến thức
Câu 1 Module 1	Nội dung 1:.....	0,25	1
	Nội dung 2:	0,25	
	Nội dung ...:	0,25	
Câu 2 Module 2	Nội dung 1:.....	0,25	2
	Nội dung 2:	0,25	
	Nội dung.....:	0,25	
	Nội dung:....	0,25	
Câu 3 Module 3	Nội dung 1:.....	0,25	3
	Nội dung 2:	0,25	
	Nội dung 3.:	0,25	
	Nội dung ...:.....	0,25	
Câu 4 Module 4	Nội dung 1:	0,25	4
	Nội dung 2:....	0,25	
	Nội dung 3.:.....	0,25	
	Nội dung ...:	0,25	

2.2. Dạng thức đề thi môn và các module kiến thức

Câu của đề (Module của đề)	Phạm vi và các nội dung kiến thức của câu hỏi	Điểm	Module kiến thức
Câu 1 Module 1	Nội dung 1:.....	0,25	1
	Nội dung 2:	0,25	
	Nội dung ...:	0,25	
Câu 2 Module 2	Nội dung 1:.....	0,25	2
	Nội dung 2:	0,25	
	Nội dung.....:	0,25	
	Nội dung:.....	0,25	
Câu 3 Module 3	Nội dung 1:.....	0,25	3
	Nội dung 2:	0,25	
	Nội dung 3.:	0,25	
	Nội dung ...:.....	0,25	
Câu 4 Module 4	Nội dung 1:	0,25	4
	Nội dung 2:...	0,25	
	Nội dung 3.:.....	0,25	
	Nội dung ..:	0,25	

DẠNG THỨC ĐỀ THI TUYỂN SINH CHUYÊN KHOA II

Chuyên ngành đào tạo:.....

1. Những vấn đề chung

1.1. Nội dung đề thi

- Mỗi đề thi môn chuyên ngành gồm 4 câu. Đề thi Tiếng Anh có cấu trúc riêng.
- Mỗi câu hỏi được biên soạn chỉ từ một (01) nội dung kiến thức của một phần trong bốn (04) phần kiến thức của nội dung ôn tập, theo dạng thức đề thi của môn thi (bảng dưới).
- Các câu hỏi yêu cầu về khối lượng kiến thức, thời lượng làm bài tương ứng với điểm số là 2,5 điểm/câu.
- Đề thi kèm theo thang điểm, đáp án và phiếu chấm.

1.2. Thứ tự câu: Như quy định của dạng thức đề thi.

1.3. Hình thức thi: Tự luận, thí sinh không được sử dụng tài liệu.

1.4. Thời gian làm bài: 120 phút. Thang điểm 10; Điểm ý lẻ của câu không lớn hơn 0,25 điểm.

2. Dạng thức đề thi môn và các module kiến thức

2. Dạng thức đề thi môn (chuyên ngành) và các module kiến thức

Số lượng nội dung của mỗi module do Bộ môn quyết định

Câu của đề (Module của đề)	Phạm vi và các nội dung kiến thức của câu hỏi	Điểm	Module kiến thức
Câu 1 Module 1	Nội dung 1:.....	0,25	1
	Nội dung 2:	0,25	
	Nội dung ...:	0,25	
Câu 2 Module 2	Nội dung 1:.....	0,25	2
	Nội dung 2:	0,25	
	Nội dung.....:	0,25	
	Nội dung:.....	0,25	
Câu 3 Module 3	Nội dung 1:.....	0,25	3
	Nội dung 2:	0,25	
	Nội dung 3.:	0,25	
	Nội dung:.....	0,25	
Câu 4 Module 4	Nội dung 1:	0,25	4
	Nội dung 2:...	0,25	
	Nội dung 3.:.....	0,25	
	Nội dung ...:	0,25	

2. Dạng thức đề thi môn tiếng Anh và các module kiến thức: BM Ngoại ngữ xây dựng theo quy định hiện hành

DẠNG THỨC ĐỀ THI TUYỂN SINH MÔN: TIẾNG ANH

Trình độ đào tạo: Chuyên khoa II

1. Những vấn đề chung

1.1. Nội dung đề thi

- Mỗi Đề thi gồm 4 phần, gồm 75 câu, thời gian làm bài 120 phút
- Mỗi câu hỏi được biên soạn chỉ từ một (01) nội dung kiến thức của một phần trong bốn (04) phần kiến thức của nội dung ôn tập, theo dạng thức đề thi của môn thi (bảng dưới).
- Tổng điểm của đề thi tính theo thang điểm 100, sau đó quy ra điểm hệ số 10
- Đề thi kèm theo thang điểm, đáp án và phiếu chấm.

1.2. Thứ tự câu: Như quy định của dạng thức đề thi.

1.3. Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận, thí sinh không được sử dụng tài liệu.

1.4. Thời gian làm bài: 120 phút. Thang điểm 100;

2. Dạng thức đề thi và các module kiến thức

Câu của đề (Module của đề)	Phạm vi và các nội dung kiến thức của câu hỏi	Điểm	Module kiến thức
PART I: STRUCTURE AND WRITTEN EXPRESSION	<i>Questions 1-20 are incomplete sentences. Beneath each question you will see four words or phrases, marked (A), (B), (C), and (D). Circle the one word or phrase that best completes the sentence.</i>		1
	Simple present	1	
	Simple past	1	
	Present Continuous	1	
	Past continuous	1	
	Present perfect	1	
	Past perfect	1	
	Passive voice (simple present, simple past)	1	
	Passive voice (present perfect)	1	
	Passive voice (past perfect)	1	
	Passive voice (simple future, modal verbs)	1	
	Comparatives	1	
	Superlatives	1	
Equal comparison	1		

	Relative pronouns (who/which/where/whose)	1	
	1 st Conditional sentences	1	
	2 nd Conditional sentences	1	
	Hot verbs (do/make/take/get)	1	
	Gerunds/ To-verb infinitives	1	
	Prepositions (time/place)	1	
	Ing adjectives/-ed adjectives	1	
	<i>In questions 21-30, each sentences has four underlined words or phrases. The four underlined parts of the sentences are marked (A), (B), (C), and (D). Circle the one underlined word or phrase that must be changed in order for the sentence to be corrected.</i>		
	Tense	1	
	To V/V-ing	1	
	-ing & -ed adjectives	1	
	Hot verbs (do/make/take/get/bring/ask/tell/say/speak) 2 câu	2	
	Passive voice	1	
	Reported speech	1	
	comparisons	1	
	Prepositions (2 câu)	2	
	Relative clauses	1	
PART II: READING COMPREHENSION	Questions 31-35 Read the following passages and circle the best answer for the questions below	10	Bài đọc hiểu liên quan đến lĩnh vực sức khỏe, y học thường thức trình độ A2-B1
	Questions 36-40 Read the following passages and circle the best answer to fill in each blank.	10	
	Questions 40-45 Read the following passages and answer the questions below	10	
PART III: WRITING	Questions 46-55 Rewrite the following sentences without changing the meaning		
	Present perfect & past simple	1.5	

	Passive voice	1.5	
	Comparisons	1.5	
	Conditional sentences	1.5	
	To V/ V-ing	1.5	
	There + to be + N+ .. ⇔ S + have/has/have got/has got + N	1.5	
	Conditional sentences	1.5	
	Close to/ far from/ near	1.5	
	Prefer/ like... more than/better than..	1.5	
	Reported speech	1.5	
	Questions 46-65 Give any changes or addition necessary to make full sentences.		
	Simple present	1.5	
	Simple past	1.5	
	Present Continuous	1.5	
	Comparisons	1.5	
	1 st conditional sentence	1.5	
	Present perfect	1.5	
	Relative pronouns	1.5	
	Passive voice	1.5	
	Past continuous	1.5	
	It + to be + (for SB) + to V	1.5	
PART IV: TRANSLATION	Questions 66-70 <i>Translate the following sentences into Vietnamese</i>	5	4
	Questions 71-75 <i>Translate the following sentences into English</i>	5	

DẠNG THỨC ĐỀ THI TUYỂN SINH MÔN: TIẾNG ANH

Trình độ đào tạo: Bác sĩ Nội trú

1. Những vấn đề chung

1.1. Nội dung đề thi

- Mỗi Đề thi gồm 4 phần, gồm 75 câu, thời gian làm bài 120 phút
- Mỗi câu hỏi được biên soạn chỉ từ một (01) nội dung kiến thức của một phần trong bốn (04) phần kiến thức của nội dung ôn tập, theo dạng thức đề thi của môn thi (bảng dưới).
- Tổng điểm của đề thi tính theo thang điểm 100, sau đó quy ra điểm hệ số 10
- Đề thi kèm theo thang điểm, đáp án và phiếu chấm.

1.2. Thứ tự câu: Như quy định của dạng thức đề thi.

1.3. Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận, thí sinh không được sử dụng tài liệu.

1.4. Thời gian làm bài: 120 phút. Thang điểm 100;

2. Dạng thức đề thi và các module kiến thức

2.1. Dạng thức đề thi môn Tiếng Anh và các module kiến thức

Số lượng nội dung của mỗi module do Bộ môn quyết định

Câu của đề (Module của đề)	Phạm vi và các nội dung kiến thức của câu hỏi	Điểm	Module kiến thức
PART I: STRUCTURE AND WRITTEN EXPRESSION	<i>Questions 1-20 are incomplete sentences. Beneath each question you will see four words or phrases, marked (A), (B), (C), and (D). Circle the one word or phrase that best completes the sentence.</i>		1
	Simple present	1	
	Simple past	1	
	Present Continuous	1	
	Past continuous	1	
	Present perfect	1	
	Past perfect	1	
	Passive voice (simple present, simple past)	1	
Passive voice (present perfect)	1		

	Passive voice (past perfect)	1	
	Passive voice (simple future, modal verbs)	1	
	Comparatives	1	
	Superlatives	1	
	Equal comparison	1	
	Relative pronouns (who/which/where/whose)	1	
	1 st Conditional sentences	1	
	2 nd Conditional sentences	1	
	Hot verbs (do/make/take/get)	1	
	Gerunds/ To-verb infinitives	1	
	Prepositions (time/place)	1	
	Ing adjectives/-ed adjectives	1	
	<i>In questions 21-30, each sentences has four underlined words or phrases. The four underlined parts of the sentences are marked (A), (B), (C), and (D). Circle the one underlined word or phrase that must be changed in order for the sentence to be corrected.</i>		
	<i>Tense</i>	1	
	<i>To V/V-ing</i>	1	
	<i>-ing & -ed adjectives</i>	1	
	<i>Hot verbs (do/make/take/get/bring/ask/tell/say/speak) 2 câu</i>	2	
	<i>Passive voice</i>	1	
	<i>Reported speech</i>	1	
	<i>comparisons</i>	1	
	<i>Prepositions (2 câu)</i>	2	
	<i>Relative clauses</i>	1	
PART II: READING COMPREHENSION	Questions 31-35 Read the following passages and circle the best answer for the questions below	10	Bài đọc hiểu liên quan đến lĩnh vực sức khỏe, y học thường
	Questions 36-40	10	

	Read the following passages and circle the best answer to fill in each blank.		thức trình độ A2-B1
	Questions 40-45 Định dạng câu hỏi giống phần đọc 2 bài thi PET	10	
PART WRITING	III: Questions 46-55 Rewrite the following sentences without changing the meaning		
	Present perfect & past simple	1.5	
	Passive voice	1.5	
	Comparisons	1.5	
	Conditional sentences	1.5	
	To V/ V-ing	1.5	
	There + to be + N+ .. ⇔ S + have/has/have got/has got + N	1.5	
	Conditional sentences	1.5	
	Close to/ far from/ near	1.5	
	Prefer/ like... more than/better than..	1.5	
	Reported speech	1.5	
	Questions 46-65 Give any changes or addition necessary to make full sentences.		
	Simple present	1.5	
	Simple past	1.5	
	Present Continuous	1.5	
	Comparisons	1.5	
	1 st conditional sentnece	1.5	
	Present perfect	1.5	
	Relative pronouns	1.5	
	Passive voice	1.5	
Past continuous	1.5		

	It + to be + (for SB) + to V	1.5	
PART IV: TRANSLATION	Questions 66-70 <i>Translate the following sentences into Vietnamese</i>	5	4
	Questions 71-75 <i>Translate the following sentences into English</i>	5	

